

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN CAPITAL

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Ban Điều hành	3
4. Báo cáo soát xét đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	4
5. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5
6. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6
7. Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 30



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Capital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 6 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD, cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: tự doanh chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : +84 1900633059
- Fax : +84 (024) 3577 1741

Công ty có văn phòng đại diện tại Phòng 1110, Tầng 11 Toà nhà Deutsches Haus, số 33 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thu Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Hải Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Hoàng Sỹ Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2025
		Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khôi	Trưởng ban	Ngày 7 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Bảo Khánh	Thành viên	Ngày 7 tháng 11 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Phương Thanh	Thành viên	Ngày 7 tháng 11 năm 2025

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ba Lê	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2026
Bà Lê Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026
Bà Phan Thị Hoài Thu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2026
		Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Huy Minh	Tổng Giám đốc	Đến ngày 14 tháng 1 năm 2026
Ông Vũ Ba Lê	Tổng Giám đốc	Từ ngày 15 tháng 01 năm 2026

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Capital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Ban Điều hành

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành,



Tổng Giám đốc
Vũ Ba Lê

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0543/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Capital (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30. Báo cáo này đã được Ban Điều hành Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 91”) và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91 do Bộ Tài chính ban hành về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi tắt là “Các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”) của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận và nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Capital tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với Các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập và giới hạn về sử dụng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Không phù hợp với ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số II.1 và thuyết minh số III mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời, như trình bày ở thuyết minh số II.2, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm: ngày 30 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính và thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Phan Thị Hoài Thu

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Tổng Giám đốc



Vũ Ba Lê

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng (VND)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	IV	4.669.909.100
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	V	114.098.694.840
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	VI	50.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		168.768.603.940
5	Vốn khả dụng	VII	329.633.226.355
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4) (%)		195,32%

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2026

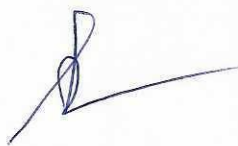
Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hoài Thu



Nguyễn Thị Thuỳ Dương



Vũ Ba Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Capital (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483 ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 18 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và được cấp các Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc bổ sung thông tin liên hệ, thay đổi tên viết tắt và địa chỉ trụ sở chính.

2. Địa chỉ liên hệ

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Công ty có Văn phòng đại diện tại Phòng 1110, Tầng 11 Toà nhà Deutsches Haus, số 33 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung gần nhất ngày 13 tháng 5 năm 2026.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 347.561.012.055 VND, tổng tài sản là 350.343.222.995 VND.

- Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện các hoạt động thuộc nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

- Hạn chế đầu tư:

Công ty tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 121”) của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 68”), cụ thể như sau:

(1) Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- (2) Công ty mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá 50% tổng tài sản của Công ty.
- (3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- (4) Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- (5) Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
- Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
- Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh mà Công ty đang thực hiện;
 - Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
 - Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26, Thông tư số 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3, Điều 28 và Điểm e, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121, cụ thể như sau:

Hạn chế vay nợ:

- + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 5 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
- + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- + Công ty chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

Hạn chế đầu tư:

- + Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu;
 - + Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- (6) Trường hợp Công ty đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc tổ chức góp vốn, Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4; Điều 28; Thông tư số 121 tối đa trong thời hạn 1 năm.
- (7) Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9a, Thông tư số 120/2020/TT-BTC về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được tiếp tục nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2026/TT-BTC ("Thông tư số 08") sửa đổi, bổ sung nhiều thông tư có liên quan về quản lý hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó Điều 14 của Thông tư số 08 bổ sung thêm Khoản 8 và Khoản 9 vào sau Khoản 7, Điều 28, Thông tư số 121 đã được bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68 về các nội dung sau:

- (8) Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư tại các Điểm a, c, d, đ, e và g, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, không được ký kết, thực hiện hợp đồng thỏa thuận nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu không được thực hiện thanh toán cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.
- (9) Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121.

Công ty tuân thủ các quy định về hạn chế đầu tư bổ sung của Thông tư số 08 từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc nào khác.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 40 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 29 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư số 91”) và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91 do Bộ Tài chính ban hành về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi tắt là “các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”).

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2. Mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

3. Đồng tiền báo cáo

Công ty thực hiện lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bằng Đồng Việt Nam (VND).

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, cụ thể như sau:

- Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không bao gồm các khoản giảm trừ và tăng thêm;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (thuyết minh số III.2.1);
- Các khoản tăng thêm (thuyết minh số III.2.2);
- Vốn khác (nếu có).

2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị các khoản mục sau:

- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty có tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm thì giá trị giảm trừ là giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng; giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo công thức sau: $\text{Giá trị tài sản đảm bảo} = \text{Khối lượng tài sản đảm bảo} \times \text{giá trị tài sản đảm bảo} \times (1 - \text{hệ số rủi ro thị trường})$;
- Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty và tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày. Trường hợp tài sản đảm bảo được sử dụng cho nhiều nghĩa vụ của Công ty, khoản giảm trừ được tính theo tỷ lệ tương ứng cho mỗi nghĩa vụ của Công ty (Giá trị còn lại của nghĩa vụ/tài sản đảm bảo). Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo công thức sau: $\text{Giá trị tài sản đảm bảo} = \text{Khối lượng tài sản đảm bảo} \times \text{giá trị tài sản đảm bảo} \times (1 - \text{hệ số rủi ro thị trường})$;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ, không bao gồm chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính, trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thị trường;
- Các khoản giảm trừ khác như sau:
 - Các tài sản dài hạn;
 - Các chỉ tiêu tài sản ngắn hạn như sau: các khoản trả trước; các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày; các khoản tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày và các tài sản ngắn hạn khác;
 - Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng. Trường hợp tổ chức kiểm toán xác nhận là đã hết ngoại trừ thì tổ chức kinh doanh chứng khoán không phải trừ đi khoản này.

Phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng của các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, dài hạn không bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường tuân thủ các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, trừ chứng khoán được phát hành bởi công ty con, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty mẹ của Công ty hoặc chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán;
- Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ;
- Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản khác;
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh khoản tuân thủ các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ với các tổ chức và cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị của tài sản đảm bảo, giá trị sổ sách. Giá trị của tài sản đảm bảo xác định theo công thức: Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản đảm bảo x giá trị tài sản đảm bảo x (1 – hệ số rủi ro thị trường).

Các chứng khoán trong chỉ tiêu tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản tài chính dài hạn phải tính giảm trừ khỏi vốn khả dụng bao gồm:

- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - ✓ Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - ✓ Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính.

Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi giá trị các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hoàn lại và các công nợ khác thỏa mãn các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian 5 năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn 4 quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường tài sản đang sở hữu và dự kiến sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi.

Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số lượng chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

3.2 Giá tài sản

- a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ
- Giá trị của tiền VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

- b. Trái phiếu
- Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá bình quân tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính từ kỳ trả lãi cuối cùng phiếu gần nhất đến ngày giao dịch (nếu giá bình quân chưa bao gồm lãi lũy kế). Trường hợp trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc bị hủy niêm yết, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán cộng lãi lũy kế, giá mua cộng lãi lũy kế, mệnh giá cộng lãi lũy kế và giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá bình quân của giá trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính từ kỳ trả lãi cuối cùng phiếu gần nhất đến ngày giao dịch (nếu giá bình quân chưa bao gồm lãi lũy kế). Trường hợp trái phiếu chưa được giao dịch tập trung tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc trái phiếu bị hủy đăng ký giao dịch là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán cộng lãi lũy kế, giá mua cộng lãi lũy kế, mệnh giá cộng lãi lũy kế và giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.

- c. Cổ phiếu
- Giá trị của cổ phiếu niêm yết căn cứ giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở Giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá tham chiếu (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở Giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc bị hủy niêm yết/hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, giá mua, giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu 3 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá của tối thiểu 3 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá từ các báo giá, giá của kỳ báo cáo gần nhất, giá trị sổ sách, giá mua, giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán; giá trị sổ sách, mệnh giá, giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ phiếu được chia do tổ chức giải thể, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, giá mua/giá trị vốn góp, giá theo quy định nội bộ của Công ty.

- d. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán
- Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở Giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc hủy niêm yết do chuyển Sở Giao dịch chứng khoán giá được xác định là giá trị lớn nhất trong các mức giá sau: giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu được công bố thông tin theo quy định tại ngày gần nhất trước ngày tính toán; giá mua và giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Quỹ thành viên/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ là giá trị tài sản ròng trên một đơn vị phần vốn góp/cổ phiếu tại kỳ báo cáo/kỳ định giá gần nhất trước ngày tính toán.

Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin theo quy định tại ngày gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị các chứng chỉ quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định rủi ro thị trường.

4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.

Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD; chứng chỉ tiền gửi do các TCTD phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán; tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả các chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD; chứng chỉ tiền gửi do các TCTD phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian

4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

4.2 Giá trị tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá thị trường được xác định theo nguyên tắc như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
2	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)}), 0\}$
3	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản bảo đảm} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại chi phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo thuyết minh số III.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo thuyết minh số III.3.2.

- b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
A-	Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)	
1	Trước thời gian nhận thanh toán	0
2	Sau thời gian nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) 0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
B-	Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)	
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) 0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên)

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

d. Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC);

- Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị khoản đặt cọc x 150%;
- Các khoản cho vay, phải thu khách hàng không phải là hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật và các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, khoản phải thu khi bán chứng khoán niêm yết trong hoạt động đầu tư tài chính của Công ty: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị khoản cho vay, phải thu x 150%;
- Các hợp đồng, giao dịch khác: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 100%.
- Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày được xác định như sau:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán		Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro thanh toán
Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng	Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%	Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán
	Chiếm từ 2% đến 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50%	
	Chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100%	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

4.3 Giảm trừ giá trị tài sản bảo đảm

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi tắt là Sở Giao dịch Chứng khoán), trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản bảo đảm = Khối lượng tài sản x Giá trị tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi; chứng chỉ tiền gửi; khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán; tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% tới 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi; chứng chỉ tiền gửi; khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán; tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% tới 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi; chứng chỉ tiền gửi; khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán; tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan với cá nhân đó chiếm trên 25% vốn chủ sở hữu của Công ty.

4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí để tính rủi ro hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Chi phí để tính rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác; chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ; chi phí lãi vay; chi phí chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành; chi phí hoặc thu nhập khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện; chi phí tài chính và các chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1.	Tiền mặt (VND) và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	0%	9.711.395.618	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	984.000.000	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi, bao gồm: - Chứng chỉ tiền gửi Bảo Lộc: 171.177.676.500 VND - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 20.000.000.000 VND)	0%	191.177.676.500	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3%	-	-
III. Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết của tổ chức tín dụng				
6.	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
7.	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
8.	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết		-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
Liệt kê kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu/tổ chức phát hành (chi tiết từng trái phiếu/tổ chức phát hành):				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn - Không có thông tin về xếp hạng				
HQNCH2124005		10%	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Investment - Không có thông tin về xếp hạng				
H39CH2123004		10%	-	-
V. Cổ phiếu				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán HSX, bao gồm: - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan: 31.409.466.000 VND - Cổ phiếu khác: 15.289.625.000 VND	10%	46.699.091.000	4.669.909.100
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết và đã đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
12.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
13.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	50%	-	-
14.	Quỹ đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VII. Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, hủy niêm yết, hủy giao dịch				
15.	Chứng khoán bị cảnh báo	35%	-	-
16.	Chứng khoán bị kiểm soát	40%	-	-
17.	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	60%	-	-
18.	Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch	70%	-	-
19.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	-	-
VIII. Chứng khoán phái sinh				
20.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
Cách tính:				
$\text{Giá trị rủi ro} = \text{Max} \{ ((\text{Giá trị thanh toán cuối ngày} - \text{giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai}) \times \text{hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai} - \text{Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)}), 0 \}.$				
$\text{Giá trị thanh toán cuối ngày} = \text{Giá thanh toán cuối ngày} \times \text{Khối lượng mở}$				
21.	Hợp đồng tương lai của trái phiếu Chính phủ	3%	-	-
Cách tính:				
$\text{Giá trị rủi ro} = \text{Max} \{ ((\text{Giá trị thanh toán cuối ngày} - \text{giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai}) \times \text{hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai} - \text{Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)}), 0 \}.$				
$\text{Giá trị thanh toán cuối ngày} = \text{Giá thanh toán cuối ngày} \times \text{Khối lượng mở}$				
IX. Chứng khoán khác				
22.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc các chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số liệt kê tại Phụ lục VIII Thông tư số 91	25%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
23.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số liệt kê tại Phụ lục VIII Thông tư số 91	100%	-	-
24.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
25.	Giao dịch chênh lệch giá	2%	-	-
26.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
27.	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
Cách tính: Giá trị rủi ro thị trường = $\text{Max} \{((P_0 \times Q_0/k - P_1 \times Q_1) \times r - MD), 0\}$				
28.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
29.	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
X. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X)				4.669.909.100

V. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro (VND)
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh số V.1)	11.845.486.856
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh V.2)	171.369.807
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác (Thuyết minh số V.3)	82.500.640.000
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh số V.4)	19.581.198.177
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	114.098.694.840

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

1. Rủi ro trước hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục chưa đến hạn thanh toán được xác định như sau:

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)					Tổng giá trị rủi ro (VND)
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%
1 Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (xem thuyết minh số V.1.1)		-	-	-	-	11.529.700.590	315.786.266
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-
Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán							11.845.486.856



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
2	Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng điều kiện khác theo quy định nội bộ Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

1.1 Tiền gửi kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

	Giá trị sổ sách (VND)	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)
Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính	192.161.676.500	6,0%	11.529.700.590
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	20.000.000.000	6,0%	1.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Tiên Phong	984.000.000	6,0%	59.040.000
Chứng chỉ tiền gửi - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	171.177.676.500	6,0%	10.270.660.590
Các tổ chức khác	3.947.328.326	8,0%	315.786.266
Cho vay margin	-	8,0%	-
Phải thu cổ tức	9.250.000	8,0%	740.000
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán (trong hạn)	3.938.078.326	8,0%	315.046.266
Cộng	196.109.004.826		11.845.486.856

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	509.589.041	163.068.493
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	17.294.403	8.301.313
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN			526.883.444	171.369.807

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác

	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d khoản này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC):		-	-
Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	150%	55.000.000.000	82.500.000.000
Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc điểm đ, g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 102	150%	-	-
Các hợp đồng, giao dịch khác	100%	-	-
Khoản tạm ứng chiếm dưới 2% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày	8%	8.000.000	640.000
Khoản tạm ứng chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày	50%	-	-
Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày	100%	-	-
TỔNG RỦI RO TỪ CÁC KHOẢN TẠM ỨNG, HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC			82.500.640.000

4. Rủi ro tăng thêm

Chi tiết đối tượng	Mức tăng thêm (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro tăng thêm (VND)
Chứng chỉ tiền gửi Bảo lộc - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	30%	171.177.676.500	3.081.198.177
Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc giữ chỗ mua bất động sản	20%	55.000.000.000	16.500.000.000
Cộng		226.177.676.500	19.581.198.177

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

VI. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
1	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính đến tháng 6 năm 2026	36.820.801.498
2	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh số VI.1)	13.279.377.860
3	Tổng chi phí sau khi giảm trừ [(3) = (1) - (2)]	23.541.423.638
4	25% tổng chi phí sau khi giảm trừ [(4) = 25% (3)]	5.885.355.910
5	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán	50.000.000.000
Tổng giá trị rủi ro hoạt động (Max{4, 5})		50.000.000.000

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	Giá trị (VND)
Chi phí khấu hao	1.985.430.276
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(6.627.013.261)
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	17.521.594.000
Chi phí lãi vay	399.366.845
Cộng	13.279.377.860

VII. VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	300.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	6.785.002.897	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-	-	-
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	51.741.466.178	-	-
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-	-	-
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	-	-
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	13.424.724.000	213.330.000
16	Vốn khác (nếu có)	-	-	-
1A	Tổng			345.315.075.075
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
4	Các khoản cho vay	-	-	-
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	-	-
7	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)	-	-	-
	- Các khoản phải thu có kỳ hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	147.024.991	-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
11	Phải thu nội bộ	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
13	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-	-
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng	-	-	-
	- Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	-	-	-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	1.196.470.229	-
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	67.500.000	-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	-
6	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-
7	Tài sản ngắn hạn khác	-	4.264.933.300	-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1B	Tổng			5.675.928.520

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Các khoản đầu tư	-	-	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
2.2	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.3	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	3.005.656.967	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.073.321.200	-
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.288.790.669	-
2	Chi phí trả trước dài hạn	-	1.159.983.062	-
3	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	2.245.936.980	-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	232.231.322	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn		-	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 91 và được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2, Thông tư số 102	-	-	-
1C	Tổng			10.005.920.200
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ	-	-	-
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	-	-	-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ	-	-	-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CAPITAL

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
2	Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty chứng khoán và tổ chức, cá nhân khác (chi tiết từng đối tượng)	-	-	-
1D	Tổng			-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D				329.633.226.355

VIII. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2026 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc

Phan Thị Hoài Thu

Nguyễn Thị Thuỳ Dương



Vũ Ba Lê

